Họ và tên: .....
Lớp: .....

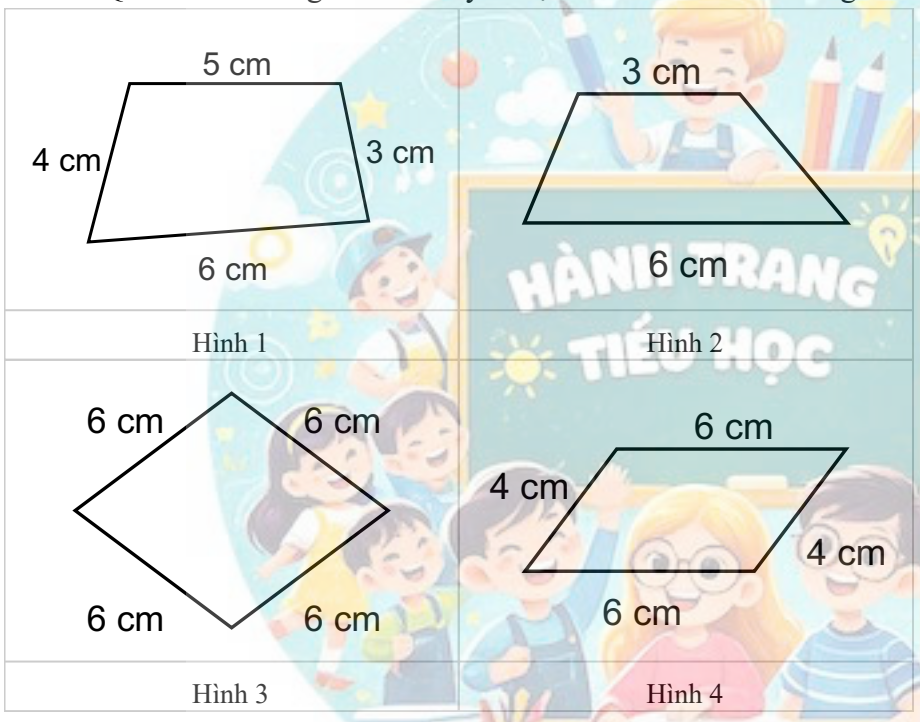
Toán 5 – Bài 32, 33: Ôn tập hình học phẳng; Diện tích, chu vi một số hình phẳng.

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Cho 4 hình tròn có số đo cùng đơn vị như sau:
Hình 1: đường kính 12,4dm.
Hình 2: bán kính 7,6dm.
Hình 3: bán kính 8dm.
Hình 4: đường kính 14,4dm.
Hình tròn nào có diện tích lớn nhất?

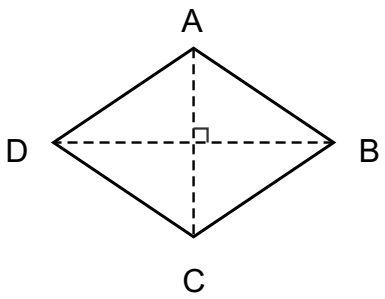
A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 2. Quan sát các tứ giác dưới đây. Chọn hình bình hành nhưng không phải hình thoi.



A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 3. Quan sát hình thoi $ABCD$. Phát biểu nào đúng?



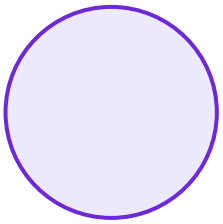
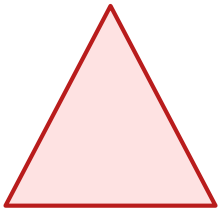
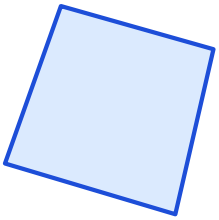
A. Có $AC \perp BD$. B. Có $AB \perp DC$. C. Có $AC \parallel BD$. D. Có $AB \perp BC$.

Câu 4. Một tam giác có độ dài đáy 11m và chiều cao 3m. Chọn tam giác có diện tích bằng diện tích tam giác đã cho.

A. Đáy 11,5m, chiều cao 2,5m B. Đáy 3m, chiều cao 11m

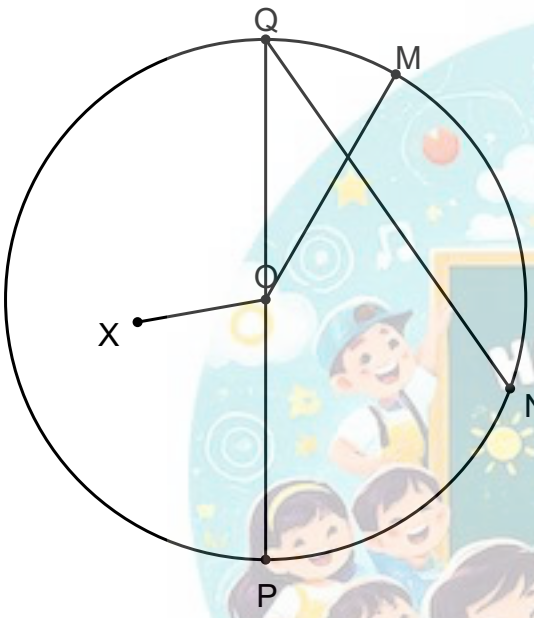
C. Đáy 11,5m, chiều cao 3m D. Đáy 11m, chiều cao 3,5m

Câu 5. Quan sát các hình trong lưới và chọn hình tam giác.

			
Hình 1	Hình 2	Hình 3	Hình 4

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 6. Quan sát hình sau và chọn đoạn thẳng là bán kính của hình tròn:



A. OX B. NQ C. PQ D. OM

Câu 7. Cho hình tròn tâm O, bán kính $r = 11$dm. Biết $OA = 9{,}5$dm; $OB = 15$dm; $OC = 13{,}5$dm; $OD = 11{,}01$dm. Điểm nào thuộc hình tròn?

A. A B. B C. C D. D

Câu 8. Muốn tính chu vi hình tròn khi biết bán kính r, ta dùng công thức nào?

A. $C = r \times 3{,}14$ B. $C = d \times 2 \times 3{,}14$ C. $C = 2 \times r \times 3{,}14$ D. $S = r \times r \times 3{,}14$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính chu vi các hình tròn sau, lấy 3,14 thay cho số pi.

a) Hình tròn có đường kính $d = 5{,}4$ mm. Chu vi hình tròn là ... ...

b) Hình tròn có đường kính $d = 31{,}7$ mm. Chu vi hình tròn là ... ...

c) Hình tròn có bán kính $r = 16{,}55$ m. Chu vi hình tròn là ... ...

d) Hình tròn có bán kính $r = 6{,}42$ m. Chu vi hình tròn là ... ...

Bài 2. Tính diện tích mỗi hình tròn rồi đổi kết quả sang đơn vị diện tích được yêu cầu. Dùng 3,14.

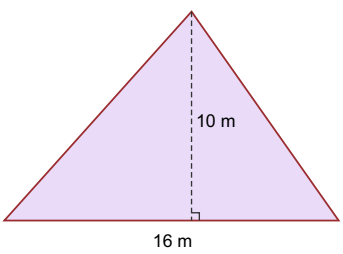
a) Hình tròn có đường kính 12cm. Đổi diện tích hình tròn đó sang mm^2: ... ... mm^2.

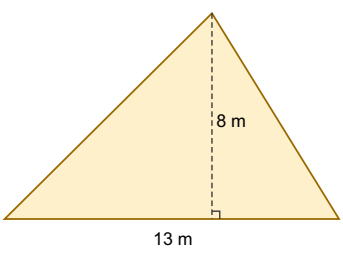
b) Hình tròn có đường kính 10dm. Đổi diện tích hình tròn đó sang m^2: ... ... m^2.

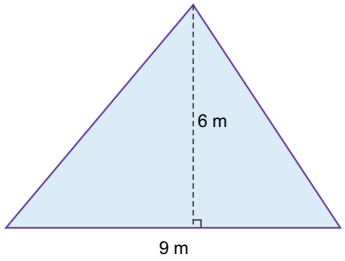
c) Hình tròn có bán kính 5dm. Đổi diện tích hình tròn đó sang cm^2: ... ... cm^2.

d) Hình tròn có bán kính 20mm. Đổi diện tích hình tròn đó sang cm^2: ... ... cm^2.

Bài 3. Tính diện tích hình ghép được tạo bởi các tam giác sau:







Diện tích của hình ghép là ... ...

Bài 4. Điền dấu <, > hoặc = vào chỗ trống để so sánh diện tích hai tam giác.

a) Tam giác thứ nhất có đáy 27,24cm và chiều cao 46,96cm; tam giác thứ hai có đáy 29,95cm và chiều cao 46,96cm. Diện tích tam giác thứ nhất ... diện tích tam giác thứ hai.

b) Tam giác thứ nhất có đáy 22,94cm và chiều cao 46,953cm; tam giác thứ hai có đáy 22,94cm và chiều cao 46,953cm. Diện tích tam giác thứ nhất ... diện tích tam giác thứ hai.

c) Tam giác thứ nhất có đáy 60,22cm và chiều cao 68,96cm; tam giác thứ hai có đáy 31,38cm và chiều cao 68,96cm. Diện tích tam giác thứ nhất ... diện tích tam giác thứ hai.

d) Tam giác thứ nhất có đáy 26,002cm và chiều cao 25,289cm; tam giác thứ hai có đáy 39,857cm và chiều cao 29,515cm. Diện tích tam giác thứ nhất ... diện tích tam giác thứ hai.

Bài 5. Một thửa đất canh tác có dạng hình chữ nhật, diện tích là 4ha. Biết chiều dài của thửa đất là 320m. Tính chiều rộng của thửa đất.

Trình bày cách tính chiều rộng của thửa đất.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……

Bài 6. Tính diện tích các hình tam giác sau.

a) Độ dài đáy là 529,1cm, chiều cao tương ứng là 172,7cm. Diện tích hình tam giác là ... ...

b) Độ dài đáy là 394,36km, chiều cao tương ứng là 549,41km. Diện tích hình tam giác là ... ...

c) Độ dài đáy là 415,5cm, chiều cao tương ứng là 149,12cm. Diện tích hình tam giác là ... ...

d) Độ dài đáy là 769,005km, chiều cao tương ứng là 846,6km. Diện tích hình tam giác là ... ...

Bài 7. Điền số đo đáy còn thiếu của mỗi hình thang.

a) Một hình thang có diện tích 45m^2, chiều cao 5m và đáy lớn 11m. Độ dài đáy bé (tính bằng m) là ... .

b) Một hình thang có diện tích 150m^2, chiều cao 10m và đáy bé 11m. Độ dài đáy lớn (tính bằng m) là ... .

c) Một hình thang có diện tích 57m^2, chiều cao 6m và đáy lớn 13m. Độ dài đáy bé (tính bằng m) là ... .

d) Một hình thang có diện tích 210m^2, chiều cao 12m và đáy bé 14m. Độ dài đáy lớn (tính bằng m) là ... .

Bài 8. Một khu rừng đầu nguồn do đội bảo vệ rừng quản lí có diện tích ban đầu là 4km^2. Sau đó, khu vực này được mở rộng thêm 76ha. Tính tổng diện tích của khu vực đó sau khi mở rộng, theo đơn vị héc-ta.

Trình bày cách đổi đơn vị và tính tổng diện tích sau khi mở rộng.

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 9. Một mảnh đất trong công viên có dạng sân vận động gồm một hình chữ nhật ở giữa và hai nửa hình tròn bằng nhau gắn vào hai cạnh đối diện theo chiều rộng của hình chữ nhật. Phần hình chữ nhật dài 60m và rộng 20m. Dựa vào hình sau, hãy trình bày lời giải cho các yêu cầu bên dưới.



60 m

Diện tích phần tô màu = S = ?

a) Tính diện tích phần hình chữ nhật ở giữa.

b) Xác định bán kính của hình tròn tạo bởi hai nửa hình tròn, rồi tính diện tích hình tròn đó.

c) Tính diện tích toàn bộ mảnh đất.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 10. Trình bày bài giải đầy đủ.

Một nông trường có 70 thửa ruộng hình tròn bằng nhau trong khu canh tác. Bán kính của mỗi thửa ruộng là 70m. Tính tổng diện tích của tất cả các thửa ruộng đó. Biết diện tích hình tròn được tính theo công thức $S = r \times r \times 3{,}14$.

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 11. Một sân trường dạng hình thang có đáy bé dài 16 m, chiều cao 14 m. Đáy lớn dài hơn đáy bé 14 m. Các số đo đều tính theo mét.

a) Tính độ dài đáy lớn của sân trường đó.

b) Tính diện tích của sân trường đó.

Bài giải

……
……
……
……
……

……

----HẾT---

